

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HN - ST

Ngày: 18 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Ông Lê Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST - HN ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thanh T, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: Số 11A/11 ấp TB, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Số 60/5 ấp CSL, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/4/2020, và tại phiên tòa nguyên đơn Hồ Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Cao C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ngày 17/10/2008. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã về tiền bạc, anh C không có trách nhiệm và cũng không lo chăm sóc gì với vợ con, một mình chị phải đi làm kiếm tiền lo cho gia đình. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn vào cuối năm 2017, nhưng chị T xin rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ lo cho con. Vợ chồng tiếp tục về sống chung với nhau đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra. Anh C làm đơn yêu cầu ly hôn với chị, nhưng sau đó anh C lại rút đơn khởi kiện theo quyết định đình chỉ số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Cao C.

- Về con chung: chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 07/02/2014. Từ tháng 8 năm 2019 chị T đưa cháu T1 về sống chung với anh C để thuận tiện đi học, còn cháu T2 vẫn sống chung với chị T đến đầu năm 2020. Do có dịch bệnh xảy ra, nên chị T đưa cháu T2 về sống chung với anh C đến nay.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu T2 trên mặt giấy tờ còn trên thực tế chị vẫn để anh C nuôi dưỡng cháu T2 vì chị không muốn chia cắt tình chị em của các con cũng như thuận tiện trong việc tới lui chăm sóc con chung. Chị T đồng ý giao cháu T1 cho anh C nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Thơ.

- Về tài sản chung: Chị T và anh C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết.

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Cao C trình bày:

Anh và chị Hồ Thanh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vào năm 2017 do chị T đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng mới về một lần. Sau đó chị T về nhà nói anh ở nhà không lo tiền bạc gì cho gia đình, rồi làm đơn yêu cầu ly hôn vào cuối năm 2017, nhưng lại rút đơn lại. Vì vậy, anh đã làm đơn yêu cầu ly hôn vào năm 2019 nhưng sau đó vì con còn nhỏ nên anh C lại rút đơn khởi kiện. Từ năm 2020 anh và chị T không sống chung với nhau, anh về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Anh C không đồng ý ly hôn với chị T vì các con còn nhỏ, nên muốn vợ chồng chung sống với nhau cùng lo cho con

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 27/8/2009 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 07/02/2014. Hiện tại cháu T1 đang sống chung với anh C, còn cháu T2 từ đầu năm 2020 đến nay cũng do anh C nuôi dưỡng.

Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: anh C không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Bản sao trích lục kết hôn ngày 11/3/2020 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Đức, huyện Long Hồ cấp, xác nhận chị Hồ Thanh T và anh Nguyễn Cao C có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 17/10/2008, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, cả chị T và anh C cũng đã từng làm đơn ly hôn, nhưng đều rút đơn để đoàn tụ gia đình, nhưng vẫn không hàn gắn được, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, anh C không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ chứ không vì tình cảm vợ chồng, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh T1 cho anh C nuôi dưỡng, anh C cũng đồng ý, cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với anh C. Sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này, giao cháu T1 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét, yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Anh T2 là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, cháu T2 do anh C nuôi dưỡng từ đầu năm

2020 đến nay, cháu cũng đã nhập học và ổn định cuộc sống. Chị T trình bày chị yêu cầu được nuôi con trên mặt giấy tờ, nhưng trên thực tế chị vẫn để cho anh C nuôi dưỡng cháu T2 vì chị không chia cắt tình chị em của các con đồng thời thuận tiện cho việc thăm nom con chung. Công việc hiện nay của chị T là thợ làm tóc, làm móng, giờ giấc không ổn định, chị ở trọ một mình ở thành phố, vì vậy việc chăm sóc con sẽ gặp khó khăn, hơn nữa để tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho trẻ, xem xét mọi mặt về điều kiện chăm sóc con của các bên thì anh C có điều kiện chăm sóc các cháu tốt hơn, nên Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho anh C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Cao C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 27/8/2009 và cháu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 07/02/2014 cho anh Nguyễn Cao C tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị T và anh C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thanh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005656 ngày 11/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú